

## QUAN ĐIỂM VỀ DẠY HỌC KẾT HỢP TRỰC TIẾP VÀ TRỰC TUYẾN TRONG GIẢNG DẠY CỦA GIẢNG VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Trần Lê Thanh Tú<sup>1</sup>, Nguyễn Thị Mỹ Liên<sup>1</sup>

Ngày nhận bài: 14/12/2023; Ngày phản biện thông qua: 27/12/2023; Ngày duyệt đăng: 28/12/2023

### TÓM TẮT

Dạy học kết hợp trực tiếp và trực tuyến (dạy học kết hợp) đã và đang chứng tỏ sự phù hợp, có nhiều ưu thế trong tổ chức dạy học ở các nhà trường hiện nay. Nghiên cứu này nhằm tìm hiểu quan điểm của giảng viên về dạy học kết hợp thông qua khảo sát 166 giảng viên thuộc các khoa khác nhau của trường Đại học Tây Nguyên. Dựa trên kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước, bốn quan điểm đã được đưa ra bao gồm: kỹ năng và kinh nghiệm, động lực, tương tác và giao tiếp, hiệu quả và linh hoạt. Các phân tích thống kê sử dụng SPSS để xử lý số liệu. Kết quả cho thấy quan điểm của giảng viên về dạy học kết hợp là tích cực. Trong bốn quan điểm được đưa ra nghiên cứu thì quan điểm hiệu quả và linh hoạt đạt giá trị trung bình cao nhất ( $M = 4,02$ ,  $SD = 1,43$ ), trong khi qua điểm về kỹ năng và kinh nghiệm đạt giá trị trung bình thấp nhất ( $M = 2,04$ ,  $SD = 1,30$ ). Những người tham gia cũng đánh giá cao không chỉ vì nó mang lại hiệu quả, sự linh hoạt, tăng khả năng giao tiếp và tương tác mà còn động lực cho giảng viên trong dạy học. Ngược lại, quan điểm kỹ năng và kinh nghiệm ít được xem xét đến từ góc nhìn của người dạy trong dạy học kết hợp.

**Từ khóa:** quan điểm, dạy học kết hợp, dạy học trực tuyến.

### 1. MỞ ĐẦU

Trong thời kỳ đại dịch COVID-19 bùng phát mạnh mẽ, Việt Nam nói riêng và các nước trên thế giới nói chung phải thực hiện giãn cách xã hội, việc học trực tuyến dường như là giải pháp tối ưu nhất giúp giáo viên và học sinh có thể vừa tiếp tục việc dạy và học của mình, lại vừa có thể bảo vệ sức khỏe bản thân hiệu quả. Vì lẽ đó, gần như là tất cả các trường đại học trên cả nước ta đều đã áp dụng phương pháp học trực tuyến này. Mô hình dạy học kết hợp trực tiếp và trực tuyến là mô hình học tập hòa trộn giữa cách học truyền thống trên lớp và học tập trực tuyến (Larson và Murray, 2008). Đây là sự phối hợp giữa dạy học trực tiếp với các dạng dạy học trực tuyến hiện nay có sự hỗ trợ mạnh mẽ của các công cụ, giải pháp công nghệ số. Trong việc thực hiện bất cứ phương pháp dạy học nào bao gồm cả dạy học kết hợp trực tiếp và trực tuyến trong giảng dạy, quan điểm của người dạy nằm trong số các yếu tố liên quan chính và đóng vai trò quan trọng. Sanders và Morrison-Shetlar (2002) đã xác nhận điều này bằng cách chỉ ra rằng quan điểm của giáo viên đối với công nghệ có ảnh hưởng đến việc xác định lợi ích giáo dục và trải nghiệm học tập trực tuyến. Khi xem xét các tài liệu nghiên cứu hiện có, có thể nhận thấy rằng niềm tin và quan điểm của giáo viên có ảnh hưởng lớn đến nhiều khía cạnh của thực tiễn dạy và học (Brown, 2004; Pratt, 1997; Stiggins, 2002). Thực tế hiện nay, số lượng nghiên cứu điều tra về quan điểm nhận thức của giảng viên trong môi trường

đại học còn ít ỏi. Vì vậy, cần phải có những nghiên cứu về quan điểm giáo viên về học tập kết hợp để tạo ra kết quả học tập tốt hơn và nghiên cứu này như một nỗ lực để điền vào khoảng cách đó.

Ngoài ra, Đại học Tây Nguyên là trường có vai trò Trường Đại học trọng điểm vùng Tây Nguyên, đóng góp một phần không nhỏ trong sự phát triển nguồn nhân lực, lao động chất lượng cao cho các tỉnh Tây Nguyên nói riêng và cả nước nói chung. Trong sự nghiệp phát triển giáo dục của mình, trường Đại học Tây Nguyên luôn coi trọng việc đào tạo nguồn nhân lực, thúc đẩy nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, phục vụ cho sự phát triển kinh tế và xã hội. Để đạt được những mục tiêu đó thì với cơ sở vật chất và đội ngũ hiện nay, Trường Đại học Tây Nguyên có đầy đủ điều kiện để thực hiện kết hợp trực tiếp và trực tuyến trong giảng dạy với mục đích nâng cao chất lượng đào tạo và sự hài lòng của sinh viên đối với chương trình đào tạo. Chính vì thế, nghiên cứu này nhằm tìm hiểu quan điểm của giảng viên thuộc các khoa khác nhau của trường Đại học Tây Nguyên về dạy học kết hợp.

#### **Câu hỏi nghiên cứu:**

- Quan điểm của giảng viên đối với dạy học kết hợp như thế nào?

### 2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

#### 2.1. Nội dung nghiên cứu

- Tìm hiểu quan điểm của giảng viên Đại học Tây Nguyên về mô hình dạy học kết hợp

<sup>1</sup>Khoa Ngoại Ngữ, Đại học Tây Nguyên

Tác giả liên hệ: Trần Lê Thanh Tú; ĐT: 0905721183; Email: tlttu@ttn.edu.vn .

## 2.2. Phương pháp nghiên cứu

Dựa trên các nghiên cứu của Aldosemani và Shepherd (2018) về quan điểm, nhận thức đối với dạy học kết hợp, nhà nghiên cứu đã sử dụng và điều chỉnh bảng câu hỏi này trong bối cảnh và môi trường dạy học của trường Đại học Tây Nguyên. Sau đó, bảng câu hỏi được gửi ngẫu nhiên đến các giáo viên giảng dạy ở các khoa khác nhau để yêu cầu họ tự nguyện tham gia vào bảng câu hỏi thông qua email. Sau hai tuần, 171 bảng câu hỏi được trả về. Sau khi rà soát kỹ, có 5 câu phiếu trả lời thiếu hơn 4 câu; nên họ bị loại. Tổng cộng có 166 câu trả lời đã được sử dụng để phân tích thống kê.

- *Phương pháp thống kê*: dùng thang đo Likert: từ 1->5: 1 là không đồng ý, 5 là rất đồng ý; Độ lệch giữa các mức độ: 0,49 từ 1,00 – 1,49: Rất không đồng ý; 1,50 – 2,49 : Không đồng ý; 2,50 – 3,49: Trung lập; 3,50 – 4,49: Đồng ý; 4,50 – 5,00: Rất đồng ý.

- *Phương pháp điều tra xã hội học*: Tiến hành điều tra giảng viên các khoa thuộc trường Đại học

Tây Nguyên là 166 phiếu.

## 2.3. Quan điểm của giảng viên về mô hình dạy học kết hợp trực tiếp và trực tuyến

### 2.3.1. Đánh giá độ tin cậy của thang đo

Để thu thập dữ liệu định lượng, nghiên cứu hiện tại đã điều chỉnh bảng câu hỏi thang đo Likert năm điểm được sửa đổi từ Aldosemani và Shepherd (2018). Tóm lại, 20 mục ban đầu liên quan đến mục tiêu của nghiên cứu hiện tại đã được chọn và phân thành bốn tiểu mục, đó là 1) Kỹ năng và kinh nghiệm, 2) Động lực, 3) Tương tác và giao tiếp, 4) Hiệu quả và linh hoạt. Để xác định độ tin cậy của thước đo, tác giả sử dụng hệ số Cronbach's Alpha. Theo Tavakol và Dennick (2011), chỉ số Alpha cao (>0,5) rất quan trọng để đánh giá độ tin cậy của dữ liệu được cung cấp trong một cuộc kiểm tra hoặc nghiên cứu. Sau khi thực hiện phân tích bằng phần mềm SPSS cho các biến, kết quả cho thấy tất cả các biến đều hệ số từ 0,622 đến 0,807 đạt yêu cầu về độ tin cậy của thang đo.

**Bảng 1. Độ tin cậy của thang đo**

Nhân tố	Cronbach's Alpha
Kỹ năng và kinh nghiệm (SE)	0,807
Động lực dạy học (M)	0,711
Tương tác và giao tiếp (IC)	0,622
Hiệu quả và linh hoạt (EF)	0,785

### 2.3.2. Quan niệm của giảng viên về mô hình dạy học kết hợp

Trước khi đi sâu vào nhận thức của các giảng

viên về phương pháp dạy học kết hợp, hiện trạng áp dụng học tập kết hợp của họ được thể hiện trong Bảng bên dưới đây:

**Bảng 2. Kinh nghiệm của giảng viên về dạy học kết hợp**

Kinh nghiệm của giảng viên	Tỉ lệ
Không có kinh nghiệm về dạy học kết hợp.	9,6%
Kinh nghiệm khi còn là sinh viên.	11,5%
Kinh nghiệm với vai trò là người giảng dạy.	49%
Kinh nghiệm với vai trò là sinh viên và là người giảng dạy	42%

Khi được hỏi về kinh nghiệm trong việc thiết kế bài giảng theo mô hình dạy học kết hợp, hầu hết các giảng viên đã từng thiết kế bài giảng của mình theo nhiều hình thức khác nhau của mô hình dạy học kết hợp (91,4%). Bên cạnh đó, họ cũng vẫn đang có kết hợp dạy học trực tiếp và trực tuyến thông qua bài giảng cũng như giao bài tập trực tuyến (67,8%).

Để trả lời câu hỏi nghiên cứu xác định nhóm nghiên cứu có quan điểm tích cực hay tiêu cực về dạy học kết hợp, thống kê mô tả đã được tiến hành. Kết quả chỉ ra rằng thái độ chung của giảng viên là tích cực đối với dạy học kết hợp (M = 3,97, SD = 0,094). Kết quả này tương tự như nghiên cứu của Ismayana và các cộng sự (2019) khi tìm quan điểm của người dạy.

**Bảng 3. Thái độ của giảng viên đối với dạy học kết hợp**

	Giá trị trung bình (M)	Độ lệch chuẩn
Thái độ của giảng viên	3,97	0,094

Như đã nêu trước đây, các mục của bảng câu hỏi được phân loại thành bốn quan điểm. Để xác

định mức độ đồng ý trong các quan điểm về dạy học kết hợp, điểm trung bình của 4 biến tiềm ẩn

được tính toán bằng phần mềm SPSS.

**Bảng 4. Quan điểm của giảng viên**

Quan điểm	Giá trị trung bình (M)	Độ lệch chuẩn SD
Kỹ năng và kinh nghiệm (SE)	2,04	1,30
Động lực dạy học (M)	3,97	1,25
Tương tác và giao tiếp (IC)	3,71	1,21
Hiệu quả và linh hoạt (EF)	4,02	1,43

Kết quả từ phân tích mô tả cho thấy mức độ đồng tình cao nhất được dành cho quan điểm về hiệu quả và linh hoạt ( $M = 4,02$ ,  $SD = 1,43$ ). Chỉ số động lực đạt được giá trị cao với ( $M = 3,97$ ,  $SD = 1,30$ ) cho thấy giảng viên nhận thức tích cực hơn đối với chỉ số này. Điều này phù hợp với phát hiện của Golafshani (2003) trong nghiên cứu về quan điểm của giáo viên và mối liên hệ giữa thực tiễn giảng dạy của họ trong môn Toán. Nghiên cứu này cho rằng, hiệu quả giảng dạy phụ thuộc vào quan điểm của người dạy, từ đó ảnh hưởng đến cách thức mà họ tiến hành các hoạt động trong lớp học. Sự thành công của việc triển khai học tập kết hợp phụ thuộc một phần vào quan điểm của người dạy về việc giảng dạy trong môi trường kết hợp (Mozelius và Hettiarachchi, 2017). Các nghiên cứu trước kia đã khẳng định người dạy là nhân tố nổi bật, thiết lập nên quy tắc trải nghiệm dạy và học. Sự thành công của việc triển khai thiết kế thực hành học tập phụ thuộc vào mức độ hiểu, điều chỉnh và tích hợp chúng vào môi trường học tập của giáo viên. Những giáo viên có đủ kỹ năng và kinh nghiệm có thể thực hiện tốt hơn. Ngoài ra, vai trò quan trọng nhất của giáo viên là tổ chức và thiết kế thiết kế giảng dạy để học sinh có tầm nhìn rõ ràng về những gì họ phải làm trong học tập trực tuyến và trên lớp. Nhìn chung, những người tham gia nghiên cứu này có quan điểm về việc tiến hành mô hình dạy học kết hợp là Hiệu quả và linh hoạt; Động lực dạy học và Tương tác và giao tiếp. Ngoài ra, kết quả cho thấy yếu tố kỹ năng và kinh nghiệm có giá trị trung thấp nhất ( $M = 2,04$ ,  $SD = 1,30$ ) dù có thể coi là yếu tố quan trọng của giáo viên (xem Bảng 4). Từ góc nhìn của giảng viên, sinh viên có thể tiếp cận tài liệu dạy và học mà không bị hạn

chế về thời gian và địa điểm (Phan Đức Duy, 2018). Bên cạnh đó, lợi ích của dạy học kết hợp là nó mang lại khả năng tương tác ở mức độ cao hơn so với các bài giảng thông thường (Dziuban và cộng sự, 2006; Wang và cộng sự, 2019). Các khóa học kết hợp với các tài nguyên trực tuyến có thể tăng tính tương tác giữa các sinh viên và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc hướng dẫn giữa giảng viên với sinh viên. Hiệu quả giảng dạy được đo lường dựa trên sự hài lòng trong giảng dạy, kết quả mong đợi và đánh giá của sinh viên. Việc tổ chức dạy học áp dụng dạy học kết hợp trong dạy học trực tuyến với sự hỗ trợ của phần mềm quản lý chuyên nghiệp sẽ giúp cho hiệu quả của hoạt động này tốt hơn, người học hứng thú và chủ động hơn trong việc tiếp cận kiến thức, rèn cho mình được nhiều kỹ năng; giảng viên dành được nhiều thời gian trên lớp học (khi giảng dạy theo thời gian thực) để trao đổi, kiểm tra, nắm bắt tình hình học tập của sinh viên cũng như có điều kiện để khai thác, mở rộng vấn đề cần nghiên cứu đồng thời là cơ hội rất tốt (Đỗ Tùng & Hoàng Công Kiên, 2020). Chính vì lý do đó, việc thử nghiệm và áp dụng một mô hình dạy học có đem lại hiệu quả là động lực cho giáo viên.

Mối quan hệ bên trong của bốn quan điểm về dạy học kết hợp

Ngoài ra, trong nghiên cứu này để hiểu được sự khác biệt giữa các quan niệm được đề cập này, ý nghĩa tổng thể của mô hình được ước tính bằng cách kiểm tra mối tương quan giữa các yếu tố. Bảng 6 minh họa kết quả mối tương quan của nhóm đối với từng yếu tố (quan niệm về dạy học kết hợp) và mỗi yếu tố bị ảnh hưởng bởi yếu tố kia như thế nào.

**Bảng 5. Kết quả phân tích mối quan hệ giữa các quan điểm**

Biến phụ thuộc	Biến độc lập	Hệ số chuẩn hóa ( $\beta$ )	Giá trị t	Giá trị p
Hiệu quả và linh hoạt	Động lực	0,321	4,33*	0,000
	Tương tác và giao tiếp	0,237	3,05*	0,031
	Kỹ năng và kinh nghiệm	-0,04	0,55	0,585
Động lực	Hiệu quả và linh hoạt	0,279	3,63**	0,02
	Kỹ năng và kinh nghiệm	-0,067	0,89	0,373
Tương tác và giao tiếp	Kỹ năng và kinh nghiệm	-0,107	1,49	0,137

Ghi chú: \* $p < 0,01$ ; \*\* $p < 0,05$ .

Như có thể thấy trong Bảng 5, Động lực ( $\beta = 0,321, p < 0,01$ ) và tương tác và giao tiếp ( $\beta = 0,237, p < 0,01$ ) có mối tương quan thuận với hiệu quả và linh hoạt, cho thấy rằng mức độ cao hơn của hai yếu tố có liên quan đến với hiệu quả và linh hoạt. Bên cạnh đó, kết quả cho thấy có mối quan hệ tích cực vừa phải giữa động lực và hiệu quả và linh hoạt, có ý nghĩa thống kê ( $\beta = 0,279, p < 0,01$ ). Hơn nữa, các kết quả tương quan báo cáo rằng quan niệm Kỹ năng và kinh nghiệm không liên quan không có bất kỳ mối liên hệ đáng kể nào với Động lực; Kỹ năng và kinh nghiệm; Tương tác và giao tiếp (tức là  $\beta = -0,067, p > 0,05$ ;  $\beta = -0,04, p > 0,05$ ;  $\beta = -0,107, p > 0,05$ ). Điều này khẳng định, tính linh hoạt của dạy học kết hợp đồng thời được hiểu như là khi áp dụng dạy học kết hợp sẽ đòi hỏi ít kỹ năng và ít nỗ lực hơn từ phía giảng viên.

#### 4. KẾT LUẬN

Dựa trên kết quả nghiên cứu và thảo luận ở phần trước, một số kết luận đã được rút ra. Đầu tiên, quan điểm của giảng viên về dạy học kết hợp là tích cực. Trong bài viết này, tài liệu về quan niệm của giảng viên được xem xét. Việc hiểu được quan niệm của giảng viên về dạy học kết hợp sẽ

giúp tạo ra cơ sở lý thuyết liên quan đến đánh giá và cung cấp thêm bằng chứng cho giáo viên, các nhà hoạch định chính sách, nhà giáo dục và người thiết kế chương trình giảng dạy để đưa ra các quyết định giảng dạy phù hợp với thực tiễn lớp học.

Hơn nữa, kết quả của nghiên cứu này còn có giá trị vì chúng góp phần giúp hiểu hơn về quan niệm về mô hình dạy học của giảng viên Đại học Tây Nguyên. Có thể nói rằng tính hiệu quả và linh hoạt của mô hình này được đánh giá cao. Như đã thấy trong nghiên cứu này, quan điểm của giảng viên về dạy học kết hợp được thúc đẩy mạnh mẽ bởi các yếu tố hiệu quả và linh hoạt mà nó mang lại. Kết quả này phù hợp với những nghiên cứu trước (Aldosemani và Shepherd, 2018; Mosunmola và các cộng sự, 2018) về lợi ích mà dạy học kết hợp mang lại cho người dạy.

Vì nghiên cứu này chỉ tập trung vào quan điểm của giảng viên về phương pháp dạy học kết hợp nên các nghiên cứu sâu hơn có thể khám phá những thách thức, khó khăn trong việc thực hiện phương pháp dạy học kết hợp. Nghiên cứu trong tương lai cũng có thể điều tra các yếu tố tác động đối với quyết định sử dụng dạy học kết hợp của giảng viên trong lớp học.

## LECTURERS' PERCEPTIONS TOWARD BLENDED TEACHING AT TAY NGUYEN UNIVERSITY

Tran Le Thanh Tu<sup>1</sup>, Nguyen Thi My Lien<sup>1</sup>

Received Date: 14/12/2023; Revised Date: 27/12/2023; Accepted for Publication: 28/12/2023

### ABSTRACT

Blended learning has been proving its suitability and advantages in teaching and learning today. This study aims to find out lecturers' perceptions toward blended teaching through a survey of 166 lecturers from different faculties of Tay Nguyen University. Based on the previous research results of domestic and foreign authors, there are four perspectives: skills and experience, motivation, interaction and communication, efficiency and flexibility. Statistical analyses using SPSS were performed. The results have revealed that teachers' perceptions on blended teaching are positive. Among the four main perceptions of blended learning, effectiveness and flexibility has the highest mean score ( $M = 4.02, SD = 1.43$ ), while skill and experience has the lowest score ( $M = 2.04, SD = 1.30$ ). Participants also appreciated not only for its effectiveness, flexibility when implementing blended learning, enhanced educational capabilities and interaction but also motivation in teaching for students. On the contrary, the perspective of skill and experience is a factor that is rarely considered from the teacher's perspective in blended teaching.

**Keywords:** teachers' perceptions, blended learning, online learning.

<sup>1</sup>Faculty of Foreign Languages Studies, Tay Nguyen University.

Corresponding author: Tran Le Thanh Tu; Tel: 0905721183; Email: tlttu@ttn.edu.vn.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Aldosemani, A., Sheard, J. (2018). Blended learning in higher education: Three different design approaches. *Australasian Journal of Educational Technology*, 30(4).
- Brown, G. T. L. (2004). *Teachers' conceptions of assessment: Implications for policy and professional development*. *Assessment in Education: Principles, Policy and Practice*, 11(3), 301-318.
- Delialioglu, O., & Yildirim, Z. (2007). *Students' perceptions on effective dimensions of interactive learning in a blended learning environment*. *Journal of Educational Technology & Society*, 10(2), 133-146.
- Đỗ, T., & Hoàng, C. K. (2020). *Áp dụng mô hình lớp học đảo ngược trong dạy học trực tuyến tại Trường Đại học Hùng Vương*. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ* :37-45.
- Dziuban, C., Graham, C. R., Moskal, P. D., Norberg, A., & Sicilia, N. (2018). *Blended learning: the new normal and emerging technologies*. *International journal of educational technology in Higher education*, 15, 1-16.
- Garrison, D. R., & Kanuka, H. (2004). *Blended learning: Uncovering its transformative potential in higher education*. *The internet and higher education*, 7(2), 95-105.
- Ismayana, D., Mulyono, H., Suryoputro, G., & Komara, C. (2020). *An evaluation of EFL teachers' perceptions of blended learning*. *Proceedings of the Third Workshop on Multidisciplinary and Its Applications, WMA-3 2019, 11-14 December 2019, Medan, Indonesia*.
- Larson, R. C., & Murray, M. E. (2008). *Open educational resources for blended learning in high schools: Overcoming impediments in developing countries*. *Journal of Asynchronous Learning Networks*, 12(1), 85-103.
- Lim, D. H., & Morris, M. L. (2009). *Learner and instructional factors influencing learning outcomes within a blended learning environment*. *Journal of Educational Technology & Society*, 12(4), 282-293.
- Mansour, N. (2009). *Science teachers' beliefs and practices: Issues, implications and research agenda*. *International Journal of Environmental and Science Education*, 4(1), 25-48.
- Mosunmola, A., Mayowa, A., Okuboyejo, S., & Adeniji, C. (2018, January). *Adoption and use of mobile learning in higher education: the UTAUT model*. *Proceedings of the 9th International Conference on E-Education, E-Business, E-Management and E-Learning* (pp. 20-25).
- Sanders, D. W., & Morrison-Shetlar, A. I. (2002). *Student attitudes toward web-enhanced instruction in an introductory biology course*. *Journal of Research on Computing in Education*, 33(3), 251-262.
- Stiggins, H. (2004). *Building effective blended learning programs*. *Challenges and opportunities for the global implementation of e-learning frameworks*: 15-23.
- Sangeeta, & Tandon, U. (2021). *Journal Factors influencing adoption of online teaching by school teachers: A study during COVID-19 pandemic*. *of Public Affairs*, 21(4), e2503. *Developmental Education*, 16-38.
- Tavakol, M., & Dennick, R. (2011). *Making sense of Cronbach's alpha*. *International journal of medical education*, 2, 53.
- Vũ, L. H. (2022). *Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên về chất lượng đào tạo trực tuyến tại Khoa Ngoại ngữ-Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh trong bối cảnh Covid-19*. *Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh-Khoa học Xã hội*, 17(1), 73-85.
- Wang, N., Chen, J., Tai, M., & Zhang, J. (2021). *Blended learning for Chinese university EFL learners: Learning environment and learner perceptions*. *Computer Assisted Language Learning*, 34(3), 297-323.